

Bản án số: 274/2026/HS-PT
Ngày: 24-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đoàn Thị Hương Giang.

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 144/2026/TLPT-HS, ngày 04/3/2026 đối với các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Mỹ P và Nguyễn Thị N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Đặng Quang T; giới tính: Nam; sinh ngày 28/01/1987, tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi thường trú: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán nước hoa; con ông Đặng Minh T2 (đã chết) và bà Hồ Thị H; bị cáo có vợ tên Vũ Ngọc Phương T1, sinh năm 1987 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 2021 và con nhỏ, sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quang T: Bà Trần Thị Ngân H1, Luật sư của Công ty L6 - thuộc đoàn Luật sư Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Vũ Ngọc Phương T1; giới tính: Nữ; sinh ngày 16/11/1987, tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: 51/5 ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là 51/5 ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán nước hoa; con ông Vũ Văn T3 và bà Vũ Thị H2; bị cáo có chồng tên Đặng Quang T, sinh năm 1987 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 2021 và con nhỏ, sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/5/2025 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Ngọc Phương T1: Bà Trần Thị Ngân H1, Luật sư của Công ty L6 - thuộc đoàn Luật sư Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Nguyễn Thị Minh N; giới tính: Nữ; sinh ngày 05/8/1987, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); chỗ ở trước khi bị bắt: 93/13 Đường số A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là 9 Đường số A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán nước hoa; con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964; gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất và chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2025 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Minh N: Ông Nguyễn Văn R, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn R - thuộc đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt tại phiên tòa)

4/ Nguyễn Thị N; giới tính: Nữ; sinh ngày 13/11/1989, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: số B T, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số B T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán nước hoa; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 và bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1951; bị cáo có chồng tên Bùi Thanh Đ, sinh năm 1989 và có 01 người con, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/5/2025 đến nay (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N: Ông Phan Phụng Đức D, Luật sư của Công ty L6 - thuộc đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

5/ Nguyễn Thị Mỹ P; giới tính: Nữ; sinh ngày 10/02/1990, tại tỉnh Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng); nơi thường trú: 18/6A, tổ H, X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là A, tổ H, X, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Không có nơi cư trú rõ ràng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán nước hoa; con ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có chồng tên Trần Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1985 và có 03 người con (con lớn nhất, sinh năm 2011 và con nhỏ nhất, sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2025 đến nay. (Vắng mặt tại phiên tòa do bị cáo có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo)

-Ngoài ra trong vụ án nay còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L6, Văn phòng L7, Công ty L6, Công ty luật T5 phạm & Cộng sự, Công ty TNHH L6, Công ty TNHH L6, Công ty Cổ phần L8, Công ty TNHH MTV L6, Văn phòng L9 và Công ty L6 do không liên quan đến nội dung kháng cáo của Tòa án, nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Quang T và vợ là Vũ Ngọc Phương T1 thuê nhà ở nhiều nơi tại Thành phố Hồ Chí Minh, tìm kiếm nguồn nước hoa giả giá rẻ không rõ nguồn gốc trên thị trường của các thương hiệu nước hoa nổi tiếng trên thị trường, như G, C, V, B, B1 veneta, V1, C1, B2... để buôn bán nước hoa giả kiếm lời, thu lợi bất chính. Ngày 18/12/2023, Tổ công tác Cục Quản lý thị trường Thành phố H đã phối hợp cùng Đội 7 – Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố H tiến hành kiểm tra 02 địa điểm là kho hàng của Vũ Ngọc Phương T1 và Đặng Quang T thu giữ được nhiều tang vật như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, kiểm tra nhà số A Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra thu giữ 2.961 chai nước hoa các loại (nhãn hiệu Le Labo, D1, V, G; D3, Maison F.), tổng giá trị hàng hóa theo giá niêm yết (vợ chồng T và T1 đề giá bán ra thị trường) là 146.724.000 đồng.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, kiểm tra nhà số A Quốc lộ A, tổ E, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra thu giữ 21.481 chai nước hoa các loại (nhãn hiệu Chanel, Le L2, D1, L3, V ...), tổng giá trị hàng hóa theo giá niêm yết (vợ chồng T và T1 đề giá bán ra thị trường) là 1.051.530.000 đồng.

Số nước hoa giả T và T1 mua về được bán cho Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Minh N để những người này bán lại cho khách hàng của họ. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại các địa chỉ nhà của Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Minh N, thu giữ được số lượng lớn nước hoa giả tại đây. Cụ thể như sau:

+ Nguyễn Thị Mỹ P (địa chỉ: A Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ: 11 chai B5 100ml, 06 chai N05 Chanel Paris Eau de Parfum 100ml, 05 chai Coco Mademoiselle Chanel Paris Eau de P2 100ml. Tổng cộng: 22 chai nước hoa giả các loại;

+ Nguyễn Thị N (địa chỉ: 5 T, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ: 09 chai Chance Chanel Eau Fraiche Eau D 100ml, 06 chai B5 100ml, 09 chai A2 100ml, 04 chai N05 Chanel Paris Eau De Parfum 100ml, 25 chai Chance Chanel E, Eau D, 100ml, 06 chai Gabrielle Chanel P, 100ml, 08 chai G1 100ml, 11 chai C4 L'Eau Privee 100ml. Tổng cộng: 78 chai nước hoa giả các loại;

+ Nguyễn Thị Minh N (địa chỉ: 9 Đường số A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ: 25 chai Bleu De Chanel Paris Parfum Pour H 100ml, 10 chai B5 (màu vàng) 100ml, 30 chai Tester – Testeur Bleu De Chanel Paris P 100ml, 35 chai N4 De Parfum 100ml, 08 chai N05 L'eau Chanel Paris 100ml, 10 chai N019 Chanel Paris Eau De Parfum 100ml, 20 chai G1 100ml, 80 chai C4 100ml, 05 chai C4 100ml, 70 chai C4 100ml, 20 chai G2 100ml, 20 chai Gucci Bloom Eau De Parfum 100ml, 40 chai G2, 30 chai Y De Parfum 100ml, 15 chai Royal Sweetie v.v. Love 100ml. Tổng cộng: **418** chai nước hoa giả các loại.

Phương thức mua bán nước hoa giả của các đối tượng như sau: khi có nhu cầu mua nước giả về bán thì P, Minh N và Nguyễn Thị N nhắn tin cho T hoặc T1 qua tài khoản Zalo “Kho sỉ lẻ Trâm V2” để trao đổi, thỏa thuận số lượng, giá và loại nước hoa giả, sau khi thống nhất số lượng và số tiền hàng thì T và T1 lên đơn hàng, in đơn hàng và gửi cho khách. P, Minh N, Nguyễn Thị N sẽ thanh toán cho đơn vị vận chuyển hoặc chuyển khoản vào tài khoản Số 0281000276168, đứng tên Đặng Quang T hoặc tài khoản Số 0481000644811, đứng tên Vũ Ngọc Phương T1, mở tại ngân hàng V3 để thanh toán tiền mua nước hoa giả. Trâm gửi đơn hàng qua tin nhắn Zalo cho Nguyễn Trung T6 (nhân viên quản lý kho), T6 sẽ thực hiện việc đóng gói sản phẩm nước hoa giả theo đơn hàng. Tiếp đến, T sẽ đặt dịch vụ giao hàng (G, A) đến nhận hàng giao cho khách (T6 không biết số nước hoa trong kho quản lý là nước hoa giả). Ngoài ra, T và T1 còn bán nước hoa cho nhiều khách hàng khác (không rõ thông tin lai lịch), giao dịch mua bán qua tin nhắn Zalo và thanh toán hàng, nhận tiền qua dịch vụ vận chuyển.

2. Lờ khai của các bị cáo:

Đặng Quang T khai: do cần tiền nên T mua nước hoa giả về bán kiếm lời. Tháng 8 năm 2023, thông qua trang mạng mua bán Alibaba, T biết được có nguồn hàng nước hoa giả từ Trung Quốc. Thoại sử dụng số điện thoại 0919028528 và số 0907161187 đăng nhập vào phần mềm Wechat để liên hệ với người bên Trung Quốc (không rõ thông tin) sử dụng nickname Wechat: ID: DA404606 để liên hệ đặt hàng, phía Trung Quốc thông báo có hai loại nước hoa: Loại thứ 1 là sản phẩm nước hoa giả, giá rẻ, kém chất lượng (nhanch bay mùi hương, khoảng 30 phút), giá từ 11.000 đồng đến 80.000 đồng, tùy chủng loại, kiểu dáng chai nước hoa; Loại thứ 2 là sản phẩm nước hoa giả, giá trung bình, hàng có mùi thơm lâu hơn, giá từ 80.000 đồng đến 150.000 đồng.

Sau khi trao đổi, các đối tượng người Trung Quốc gửi hình mẫu các nhãn hiệu nước hoa kèm giá bán của hai loại nêu trên để Thoại lựa chọn đặt số lượng. Thoại đặt nước hoa giả giá rẻ loại thứ 1, kém chất lượng. Từ ngày 23/08/2023 đến 08/11/2023, T nhập 24 lần với số lượng là 374 kiện hàng (48 chai/1 kiện hàng) với số lượng khoảng 25.000 chai nước hoa các nhãn hiệu, tổng số tiền mua nước hoa giả là 1.500.000.000 đồng. Sau khi thống nhất đặt hàng, thời gian các đối tượng người Trung Quốc chuẩn bị hàng để giao khoảng 01 tháng. Khi đã chuẩn bị đủ hàng xong, phía Trung Quốc yêu cầu T cung cấp địa chỉ để giao hàng. Hình thức đóng gói hàng hóa do phía Trung Quốc đóng vào thùng carton, dán băng keo

màu vàng, ghi tên kiện hàng rồi gửi cho T theo địa chỉ do T cung cấp. Phía Trung Quốc chủ động thuê các đơn vị vận chuyển khác nhau, hàng hóa sẽ được vận chuyển từng đợt bằng xe tải từ 05 đến 30 kiện, trước khi vận chuyển, T được nhà xe điện thoại thông báo số kiện hàng nhận và yêu cầu T cung cấp địa chỉ giao hàng. Sau khi nhận hàng, T ký xác nhận phiếu ghi số kiện hàng đã nhận và giao lại cho nhà xe. Sau khi giao hàng xong, T mới kiểm tra lại số lượng và ghi chép vào sổ nhập kho.

Về việc thanh toán tiền mua nước hoa giả, T được yêu cầu chuyển tiền vào các tài khoản cá nhân hoặc thanh toán tiền mặt cho nhà xe khi nhận hàng, T sử dụng tài khoản cá nhân của Thoại S, mở tại Ngân hàng V3 hoặc tài khoản Số 0481000644811, đứng tên Vũ Ngọc Phương T1, mở tại ngân hàng V3 chuyển tiền đến tài khoản cá nhân tên Đỗ Văn L4, Nguyễn Thị Trà H4 tại Ngân hàng V4, Nguyễn Thị P1, ngân hàng V3 để thanh toán tiền mua nước hoa theo chỉ định của khách hàng Trung Quốc.

Đối với việc tiêu thụ nước hoa giả, T sử dụng nhiều số điện thoại (trong đó có số 0919028528 và 0907161187) để đăng ký các tài khoản mạng xã hội Zalo với tên tài khoản là “Kho sỉ lẻ Trâm V2”, Facebook, S, C2 tốt... để quảng cáo bán hàng sỉ và lẻ. Các khách hàng của T và T1 đều là các cá nhân trên mạng xã hội (không rõ thông tin) liên hệ mua hàng thông qua tin nhắn Zalo, trao đổi, thỏa thuận giá cả, số lượng và chủng loại nước hoa giả. Sau khi thống nhất, T chốt đơn và sử dụng phần mềm Sabo để lên đơn hàng, in bill, gửi bill cho khách để khách thanh toán tiền hàng vào tài khoản cá nhân của T hoặc T1. Sau khi khách thanh toán, T gửi B3 qua nhóm Z “đóng gói” bao gồm 03 thành viên là T, T1 và T6 để đóng gói, thực hiện việc soạn đơn hàng. Rồi Thoại đặt dịch vụ giao hàng (G3, A) để đến nhận hàng giao cho khách.

Thoại phân công công việc buôn bán nước hoa giả như sau: Nguyễn Trung T6 là người quản lý kho tại đường Q, có nhiệm vụ ghi chép việc nhập và xuất kho hàng vào sổ, đóng gói hàng hóa và giao cho khách hàng (thông qua hình thức grab đến lấy hàng hoặc khách đến nhận); Vũ Ngọc Phương T1 là người nhận thông tin khách hàng, trao đổi thông tin số lượng, giá cả với khách hàng, sau đó nhập dữ liệu điện tử, thông tin khách hàng, lên đơn hàng, tính tiền in ra Bill gửi cho khách.

Đối với việc thanh toán và giao hàng: sau khi lên đơn cho khách hàng, T và T1 gửi bill hàng cho T6 để soạn hàng. Việc giao hàng do T tự thuê đơn vị vận chuyển hoặc cho thông tin địa chỉ để khách tự đặt đơn vị vận chuyển, hoặc đến trực tiếp nhận hàng. Việc thanh toán được khách hàng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cá nhân của T hoặc T1.

Thoại biết hành vi kinh doanh hàng giả nêu trên là vi phạm pháp luật, do các mặt hàng nước hoa giả các thương hiệu lớn có giá rẻ nên T đã mua để kinh doanh. Từ tháng 8/2023 đến nay, T đã bán với số lượng khoảng 3.000 sản phẩm nước hoa giả với tổng số tiền khoảng 700.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 70.000.000 đồng.

Vũ Ngọc Phương T1 (vợ của Đặng Quang T) khai: T1 cùng chồng là T

buôn bán hàng hóa là nước hoa giả các thương hiệu nước hoa nổi tiếng trên thị trường để kiếm lời. Công việc của T1 là nhận đơn hàng, báo giá sản phẩm, lên đơn hàng và nhận tiền thanh toán với khách hàng. T1 sử dụng điện thoại S23 Ultra của T1 vào phần mềm Zalo tài khoản “Phương Trâm”, điện thoại Số 0907161187 để nhận thông tin khách hàng, báo giá, chốt đơn hàng rồi gửi cho T6 hoặc Thoại để soạn đơn hàng cho khách, thường khách sẽ là người chịu tiền phí chuyển hàng, khách thanh toán qua tài khoản Số 0481000644811 tên Vũ Ngọc Phương T1 mở tại ngân hàng V3. Giá nước hoa giả bán sỉ cho khách mua nhiều từ 37.000 đồng/chai đến 100.000 đồng/chai tùy theo loại, giá bán lẻ từ 100.000 đồng/chai đến 200.000 đồng/chai tùy loại. Ngoài ra có hàng cao cấp Rep 1:1 Trâm mua với giá 150.000 đồng/chai đến 180.000 đồng/chai thì bán cho khách với giá 200.000 đồng/chai đến 270.000 đồng/chai.

Nguyễn Trung T6 (nhân viên quản lý kho hàng) khai: Tín được Đặng Quang T thuê làm nhân viên giữ kho từ ngày 31/10/2023 (tính đến ngày kho hàng bị Công an kiểm tra khoảng 01 tháng), địa điểm làm việc là kho hàng ở Số A, Quốc lộ A, Tổ E, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với mức lương 7.000.000 đồng/tháng. Toàn bộ số hàng hóa bị Công an thu giữ là của T và T1, nhiệm vụ của T6 là trông coi kho hàng và soạn đơn hàng cho nhân viên giao hàng đến lấy theo đơn hàng của T1 giao, T6 không biết số nước hoa mà T6 soạn và giao cho nhân viên giao hàng là nước hoa giả.

Nguyễn Thị Minh N khai: từ tháng 5 năm 2023 đến khi bị phát hiện, Minh N có đặt mua của Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1 các loại nước hoa giả các thương hiệu gồm: B5 (mua với giá 150.000 đồng/chai, bán với giá 160.000 đồng/chai); N4 (mua với giá 135.000 đồng/chai, bán với giá 145.000 đồng/chai); C5 (mua với giá 135.000 đồng/chai, bán với giá 145.000 đồng/chai); Gucci B4 (mua với giá 135.000 đồng/chai, bán với giá 145.000 đồng/chai); YST (mua với giá 135.000 đồng/chai, bán với giá 145.000 đồng/chai). Khi cần mua nước hoa giả, Minh N nhắn tin đặt hàng của T và T1 qua tài khoản Zalo “Kho sỉ lẻ Trâm V2” để đặt số lượng, loại nước hoa giả. Sau khi nhận hàng tại địa chỉ Số I Đường số A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Minh N thanh toán tiền mua nước hoa giả bằng cách chuyển khoản đến tài khoản cá nhân Số 0481000644811 tên Vũ Ngọc Phương T1 mở tại ngân hàng V3. Minh N đã bán được một phần nước hoa giả mua của T và T1, phần còn lại bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ, Minh N bán cho các cá nhân trên mạng xã hội, bằng hình thức giao hàng qua dịch vụ vận chuyển, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Tổng số tiền N đã thanh toán cho T và T1 để mua nước hoa giả là 686.865.000 đồng (đã bao gồm tiền thanh toán cho số nước hoa giả bị Cơ quan điều tra phát hiện). Sau khi bán cho khách, N thu lợi số tiền khoảng 20.000.000 đồng.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Vũ Ngọc Phương T1: từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023, Nguyễn Thị Minh N đã chuyển tổng cộng: **686.855.000 đồng** đến tài khoản trên của Vũ Ngọc Phương T1 để thanh toán tiền mua nước hoa giả.

Nguyễn Thị N khai: từ tháng 01 năm 2023 đến khi bị phát hiện, N đặt mua

của Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1 các loại nước hoa giả các thương hiệu gồm: N05 Chanel Paris màu đỏ 100ml (mua với giá 110.000 đồng/chai, bán với giá 150.000 đồng/chai); B6 (mua với giá 90.000 đồng/chai, bán với giá 130.000 đồng/chai); G, L3... (mua với giá khoảng 100.000 đồng/chai đến 150.000 đồng/chai và bán ra thu lợi 40.000 đồng/chai). Khi cần mua nước hoa giả, N sử dụng số điện thoại 0974810180, đăng ký tài khoản Zalo tên “Nguyệt N3” để nhắn tin đặt hàng thông qua Zalo “Kho sỉ lẻ Trâm V2” để đặt số lượng, loại nước hoa giả. Sau khi nhận hàng tại địa chỉ Số E T, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, N thanh toán bằng cách chuyển khoản đến tài khoản cá nhân Số 0481000644811 tên Vũ Ngọc Phương T1 mở tại ngân hàng V3. N đã bán được một phần nước hoa giả mua của T và T1, phần còn lại bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ, N bán cho các cá nhân trên mạng xã hội, bằng hình thức giao hàng qua dịch vụ vận chuyển, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Tổng số tiền N đã thanh toán cho T và T1 để mua nước hoa giả là 281.099.000 đồng (đã bao gồm tiền thanh toán cho số nước hoa giả bị Cơ quan điều tra phát hiện). Sau khi bán cho khách, N thu lợi số tiền khoảng 24.000.000 đồng.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Vũ Ngọc Phương T1: từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023, Nguyễn Thị N đã chuyển tổng cộng: **281.099.000 đồng** đến tài khoản trên của Vũ Ngọc Phương T1 để thanh toán tiền mua nước hoa giả.

Nguyễn Thị Mỹ P khai: từ tháng 01 năm 2023 đến khi bị phát hiện, P có đặt mua của Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1 các loại nước hoa giả các thương hiệu gồm: N05 Chanel Paris màu đỏ 100ml (mua với giá 110.000 đồng/chai, bán với giá 120.000 đồng/chai); B6 (mua với giá 90.000 đồng/chai, bán với giá 100.000 đồng/chai); G, L5... (mua với giá khoảng 100.000 đồng/chai đến 150.000 đồng/chai và bán ra thu lợi 10.000 đồng/chai). Khi cần mua nước hoa giả, P nhắn tin đặt hàng của T và T1 qua tài khoản Zalo “Kho sỉ lẻ Trâm V2” để đặt số lượng, loại nước hoa giả. Sau khi nhận hàng tại địa chỉ Số A Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, P thanh toán bằng cách chuyển khoản đến tài khoản cá nhân Số 0481000644811 tên Vũ Ngọc Phương T1 mở tại ngân hàng V3. P đã bán được một phần nước hoa giả mua của T và T1, phần còn lại bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ, P bán cho các cá nhân trên mạng xã hội, bằng hình thức giao hàng qua dịch vụ vận chuyển, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Tổng số tiền P đã thanh toán cho T và T1 để mua nước hoa giả là 581.129.000 đồng (đã bao gồm tiền thanh toán cho số nước hoa giả bị Cơ quan điều tra phát hiện). Sau khi bán cho khách, P thu lợi số tiền 50.000.000 đồng.

Căn cứ kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của Vũ Ngọc Phương T1: từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023, Nguyễn Thị Mỹ P đã chuyển tổng cộng số tiền **581.129.000 đồng** đến tài khoản trên của Vũ Ngọc Phương T1 để thanh toán tiền mua nước hoa giả.

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 26/01/2024, Phòng K Công an Thành phố H có kết luận giám định

Số 1794 đối với số nước hoa thu giữ của Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1, kết luận: “*Bản in nhãn hiệu trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12 (đã nêu ở mục II.1) so với bản in nhãn hiệu trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một bản chế in ra*”.

Ngày 17/12/2024, Phòng K Công an Thành phố H có kết luận giám định Số 14530 đối với số nước hoa thu giữ của Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Mỹ P, kết luận: “*Bản in nhãn hiệu trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1, A17, A24; A5; A6; A7; A19; A25; A16; A18; A26 (đã nêu ở mục II.1) so với bản in nhãn hiệu trên mẫu so sánh ký hiệu từ M4; M5; M11; M12; M1; M10; M8 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một bản chế in ra; không đủ cơ sở để kết luận bản in trên các mẫu A2, A3, A4, từ A8 đến A15, từ A20 đến A23 (đã nêu ở mục II.1) do không có mẫu tương ứng*”.

Kết quả định giá tài sản:

Ngày 18/03/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố có kết luận định giá số 1547/KL-HĐĐGTS, kèm Biên bản 1546/BB-HĐĐGTS, kết luận 12 mặt hàng nước hoa nhãn hiệu Chanel, với số lượng 4.512 sản phẩm thu giữ của Đặng Quang T có giá là 20.013.320.000 đồng.

Ngày 20/12/2024, Hội đồng định giá tài sản có kết luận định giá tài sản số 10124/KL-HĐĐGTS xác định: Trị giá lô hàng gồm 04 mặt hàng nước hoa nhãn hiệu Chanel, với số lượng 78 sản phẩm thu giữ của Nguyễn Thị Minh N có giá trị tương đương hàng thật là 383.640.000 đồng. Đối với 11 loại sản phẩm nước hoa còn lại chưa có kết quả định giá do không có mẫu sản phẩm tương ứng; Trị giá lô hàng nước hoa nhãn hiệu Chanel gồm 04 loại nước hoa nhãn hiệu Chanel, với số lượng 28 sản phẩm thu giữ của Nguyễn Thị N có giá là 119.000.000 đồng. Đối với 04 loại nhãn hiệu nước hoa Chanel còn lại, chưa có kết quả định giá do không có mẫu sản phẩm tương ứng; Trị giá lô hàng nước hoa nhãn hiệu Chanel gồm 03 mặt hàng nước hoa nhãn hiệu Chanel, với số lượng 22 sản phẩm thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ P có giá là 108.680.000 đồng.

Ngoài số hàng giả đã có Kết luận giám định, Kết luận định giá trên. Quá trình điều tra còn phát hiện số lượng lớn nước hoa các nhãn hiệu không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có hóa đơn chứng từ, thu giữ tại nhà của các bị can không có sản phẩm chính hãng do các Công ty đại diện tại Việt Nam cung cấp để trưng cầu giám định. Cụ thể: tại nhà Đặng Quang T có 19.930 chai nước hoa giả các nhãn hiệu; tại nhà Nguyễn Thị Minh N có 340 chai nước hoa giả các nhãn hiệu Chanel, Gucci, YSL; tại nhà Nguyễn Thị N có 54 chai nước hoa giả các loại nhãn hiệu Chanel.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản yêu cầu định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự đối với lô hàng nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng định giá có văn bản Số 2860/HĐĐGTS ngày 28/4/2025, từ chối định giá do không đủ thông tin đặc điểm, giá bán từng loại sản phẩm.

Kết quả sao kê ngân hàng: Căn cứ kết quả sao kê tài khoản Số 0481000644811 đứng tên Vũ Ngọc Phương T1 mở tại Ngân hàng Thương mại

Cổ phần N5 (V3) xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023 có các giao dịch chuyển khoản từ Nguyễn Thị Mỹ P (tài khoản số 06800270303201 mở tại ngân hàng V3) đến tài khoản trên của T1 với tổng số tiền là 581.129.000 đồng; từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023 có các giao dịch chuyển khoản từ Nguyễn Thị Minh N (tài khoản số 06800270411311 mở tại ngân hàng V3) đến tài khoản trên của T1 với tổng số tiền là 686.855.000 đồng; từ 01/2023 đến tháng 12/2023, Nguyễn Thị N (tài khoản số 0251002686953 mở tại ngân hàng V3) đến tài khoản trên của T1 với tổng số tiền là 281.099.000 đồng.

Kết quả điều tra khác:

Kết quả xác minh việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu của các nhãn hiệu nêu trên tại Cục sở hữu trí tuệ - Bộ K1, xác định: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn L6 (viết tắt TNHH) TV sở hữu trí tuệ IPT bảo hộ 3 nhãn hiệu: Chanel, BVLGARI, CHLOE; Văn phòng Luật sư A H5 bảo hộ 02 nhãn hiệu: Gucci, V; Công ty L6 bảo hộ 02 nhãn hiệu Dior, VICTORIA'S SECRET; Công ty TNHH MTV L6; Công ty Cổ phần L8 và Công ty TNHH L6; Văn Phòng L9 bảo hộ nhãn hiệu Burberry; Công ty L10 bảo hộ 05 nhãn hiệu: Lancome, Giorgio A1, YSL và M1; Công ty L6 bảo hộ 03 nhãn hiệu D4, Ralph L và D2. Đối với những hãng nước hoa còn lại không có đại diện hãng tại Việt Nam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã có các văn bản đề nghị đơn vị đại diện các hãng nước hoa cung cấp thông tin, mẫu sản phẩm để xác định tình trạng pháp lý hàng hóa bị làm giả. Kết quả các hãng nước hoa có đơn vị đại diện tại Việt Nam xác định số hàng hóa tang vật thu giữ là hàng giả, cung cấp được thông tin về sản phẩm thật bị làm giả, và giá bán hàng thật chính hãng tại Việt Nam, cụ thể như sau:

Công ty TNHH L6 sở hữu trí tuệ IPT có Văn bản Số 292/IPT-CA.2025 xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang nhãn hiệu CHANEL, BVLGARI, CHLOE, BURBERRY đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, Công ty chỉ cung cấp giá bán của từng mẫu sản phẩm, cung cấp 12/27 mẫu nước hoa Chanel, cung cấp 2 mẫu nước hoa BURBERRY. Tổng trị giá lô hàng giả của Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1 có giá tương đương hàng thật: Thành phẩm nước hoa giả nhãn hiệu Chanel: 3441 chai với tổng giá trị là 15.484.500.000 đồng; Thành phẩm nước hoa nhãn hiệu BURBERRY: 168 chai với tổng giá trị là 772.800.000 đồng; Đối với nhãn hiệu BVLGARI, CHLOE, đại diện hãng không cung cấp thông tin về giá sản phẩm, mẫu sản phẩm và không có yêu cầu xử lý.

Công ty TNHH L6 có Văn bản Số 04/2024/S&O, ngày 03/01/2024, xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang nhãn hiệu MARC JACOBS, CHLOE đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, nhưng không cung cấp thông tin sản phẩm, mẫu và giá sản phẩm, đơn vị này yêu cầu tiêu hủy toàn bộ lô hàng, ngoài ra không có yêu cầu khác.

Công ty L6 có Văn bản Số 3034/2025-TGVN và Văn bản Số 3212/2025-TGVN, xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang nhãn hiệu VICTORIA'S SECRET, DIOR đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu. Đối với các sản

phẩm nhãn hiệu VICTORIA'S SECRET là sản phẩm cũ nên không có mẫu và giá. Đại diện hãng VICTORIA'S SECRET không có yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với vụ việc trên. Đối với sản phẩm DIOR Công ty chỉ cung cấp giá bán của từng mẫu sản phẩm, không cung cấp mẫu. Tổng trị giá lô hàng giả mang nhãn hiệu Dior của Đặng Quang T có giá tương đương hàng thật là 8.221.820.000 đồng (1.780 chai nước hoa).

Văn Phòng Luật sư A H5 có văn bản số 69-25/LS, ngày 21/5/2025, xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang nhãn hiệu GUCCI, VERSACE đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, nhưng không cung cấp thông tin sản phẩm, mẫu và giá sản phẩm, do hãng không sản xuất những sản phẩm này. Đơn vị có yêu cầu xử lý bằng hình thức hành chính, không có yêu cầu khác.

Công ty cổ phần L8 và Công ty TNHH L6 có văn bản xác nhận không đại diện và bảo hộ cho sản phẩm nước hoa nhãn hiệu "A".

Công ty L10 có Văn bản Số 250523/TPA, ngày 23/5/2025 xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang 05 nhãn hiệu: Lancome, G, YSL, M1 đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, Công ty chỉ cung cấp giá bán của từng mẫu sản phẩm, không cung cấp mẫu.

Công ty L6 xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang 03 nhãn hiệu Daisy Marc Jacobs, Ralph L, D2 đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, Công ty không cung cấp thông tin và không cung cấp mẫu sản phẩm.

Công ty TNHH MTV L6, xác định tất cả hàng hóa là nước hoa mang nhãn hiệu Tom Ford, đều là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, Công ty không cung cấp thông tin và không cung cấp mẫu sản phẩm.

***Về vật chứng:** Toàn bộ vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số 10996 ngày 26/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H.

***Về phân trách nhiệm dân sự:** Công ty TNHH L6 yêu cầu tiêu hủy toàn bộ nước hoa mang nhãn hiệu MARC JACOBS, CHLOE là hàng giả;

***Về khắc phục hậu quả:** Gia đình các bị cáo Đặng Quang T tự nguyện nộp số tiền 70.000.000 đồng, Vũ Ngọc Phương T1 tự nguyện nộp số tiền 70.000.000 đồng, Nguyễn Thị N tự nguyện nộp số tiền 24.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ P tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng, Nguyễn Thị Minh N tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

***Tại Bản cáo trạng số 469/CT-VKS-P3 ngày 09/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với:**

Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N và Nguyễn Thị Mỹ P về tội "Buôn bán hàng giả" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Nguyễn Thị N về tội "Buôn bán hàng giả" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa

án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đặng Quang T 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 03/6/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc Phương T1 10 (Mười năm) tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh N 08 (T7) năm tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 19/3/2025.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P 08 (T7) năm tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 19/3/2025.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 192; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (Ba) năm tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/01/2026, bị cáo Đặng Quang T có đơn kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Ngày 29/01/2026, bị cáo Vũ Ngọc Phương T1 có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Ngày 25/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị Minh N có đơn kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Ngày 27/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo;

- Ngày 25/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có đơn kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Song đến ngày 17/3/2026 bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- Bị cáo Đặng Quang T có đơn kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do bản án sơ thẩm xử quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo;

- Bị cáo Vũ Ngọc Phương T1 có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo chỉ là đồng phạm giúp sức thứ yếu, phụ thuộc theo sự sắp xếp, chỉ đạo của người khác, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự hạn chế về nhận thức pháp luật, đã khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với Cơ quan tiến hành tố tụng để nhanh chóng kết thúc vụ án, bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2021 và năm 2023 là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, khi chồng cũng bị xử án tù không trực tiếp chăm sóc các con;

- Bị cáo Nguyễn Thị Minh N kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nuôi mẹ già thường xuyên đau ốm, nuôi hai em bị tàn tật nằm một chỗ, bản thân là mẹ đơn thân đang nuôi con trong độ tuổi đi học, bị cáo còn có bà nội là người có công với cách mạng;

- Ngày 27/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của nhà nước, luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với Cơ quan tiến hành tố tụng để nhanh chóng kết thúc vụ án, đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính, khi phạm tội bị cáo đang mang thai và đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng;

- Ngày 25/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có đơn kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Song đến ngày 17/03/2026 bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo và việc bị cáo rút đơn kháng cáo có xác nhận của nơi giam giữ;

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của bị cáo, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Đặng Quang T và đồng phạm về tội “Buôn bán hàng giả” theo Điều 192 của Bộ luật hình sự là có căn cứ,

đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1 không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới. Bị cáo Nguyễn Thị Minh N cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Nguyễn Thị N cung cấp tài liệu thể hiện có bà nội và cô ruột có công với cách mạng và bị cáo đã nộp lại số tiền phạt bổ sung nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Nguyễn Thị Minh N và Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, Cấp sơ thẩm đã xem xét các tài liệu về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có đơn xin rút kháng cáo, xét việc rút kháng cáo là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

Về nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo Nguyễn Thị Minh N không bào chữa,

Luật sư Nguyễn Văn R trình bày bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Minh N: Luật sư đồng ý về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, việc xét xử theo khoản 3 Điều 192 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh N là chưa có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại về khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo, vì tài liệu, chứng cứ thể hiện chỉ thu giữ được 78 chai nước hoa có kết luận định giá là 383.640.000 đồng, còn những sản phẩm khác không định giá được là chưa đủ căn cứ kết luận là hàng giả để xem xét hành vi phạm tội của bị cáo chỉ bị truy tố theo khoản 2 Điều 192 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N như bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn đang nuôi mẹ già và hai em bị khuyết tật, gia đình có người thân có công với Cách mạng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị sửa án sơ thẩm xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 192 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Minh N đồng ý với lời bào chữa của luật sư, bào chữa bổ sung như bị cáo không cố ý phạm tội và không biết hành vi bán nước hoa là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị N không tự bào chữa.

Luật sư Phan Phụng Đức D phát biểu bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N: Luật sư đồng ý về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân bị cáo phạm tội là do thiếu hiểu biết về pháp luật, bị cáo N chỉ nghĩ mua nước hoa đi để bán lại kiếm thêm lời trong lúc nghỉ thai sản, nuôi con nhỏ. Về

tình tiết giảm nhẹ, Luật sư đề nghị xem xét bị cáo N có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang mang thai hơn 20 tuần và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, cũng như trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm đã phạt bổ sung, bị cáo có bà nội và cô ruột có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị N đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không bào chữa bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Đặng Quang T bào chữa đồng ý về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Song bị cáo nghĩ mua số lượng nước hoa giả nhiều thì sẽ được mua với giá rẻ, do ham rẻ và ham lợi nên bị cáo mới mua nước hoa với số lượng nhiều, nhưng thực tế bị cáo mới chỉ bán thu được 700.000.000 đồng, số nước hoa còn lại đã bị Cơ quan quản lý thị trường thu giữ. Mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Vũ Ngọc Phương T1 bào chữa đồng ý về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Song còn một số tình tiết giảm nhẹ chưa được cấp sơ thẩm xem xét đó là vai trò của bị cáo trong vụ án là giúp sức nhưng không đáng kể, bị cáo T1 chỉ phụ giúp theo sự chỉ đạo của bị cáo T, có vai trò thứ yếu, bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính và hiện đang nuôi con nhỏ bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mặc dù bị cáo biết số nước hoa là giả nhưng bị cáo không nghĩ hành vi mua đi bán lại là vi phạm pháp luật, tuy nhiên sau khi được Cơ quan điều tra giải thích thì bị cáo đã nhận thức được, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp tranh luận:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Minh N đã thừa nhận hành vi của bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng giả” theo khoản 3 Điều 192 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào giá thực tế trên thị trường thì giá trị hàng hóa vi phạm là trên 900.000.000 đồng nên Luật sư bào chữa cho bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 192 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ, vì các bị cáo buộc phải nhận thức rõ việc mua bán nước hoa giả là vi phạm pháp luật và việc các bị cáo buôn bán hàng giả trên thị trường gây bức xúc trong dư luận xã hội nên cần có mức án nghiêm khắc.

Các Luật sư cho rằng bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính và tiền phạt bổ sung nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, mà bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các tình tiết giảm nhẹ khác mà các Luật sư nêu thì Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Đối với mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo thì đề nghị hội đồng xét xử

xem xét. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và không tranh luận bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào đơn của bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của bị cáo có mặt, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 20/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 31/01/2026, bị cáo Đặng Quang T có đơn kháng cáo; ngày 29/01/2026, bị cáo Vũ Ngọc Phương T1 có đơn kháng cáo; ngày 25/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị Minh N có đơn kháng cáo; ngày 27/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo; ngày 25/01/2026, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có đơn kháng cáo. Do đó, đơn kháng cáo của các bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Xét đơn rút kháng cáo ngày 17/3/2026 của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P có xác nhận của trại tạm giam, nơi giam giữ bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P.

[3] Luật sư Trần Thị Ngân H1 vắng mặt, tại phiên tòa các bị cáo Đặng Quang T và Vũ Ngọc Phương T1 đều yêu cầu từ chối luật sư bào chữa cho các bị cáo, đồng thời đều đề nghị được tiếp tục xét xử và các bị cáo tự bào chữa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, để tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, trên cơ sở toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị N đã khai nhận về hành vi phạm tội và nội dung bản án sơ thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận:

- Các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1 phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, cụ thể: Bị cáo T là người trực tiếp thông qua mạng để đặt hàng ở Trung Quốc và nhận hàng sau đó T sử dụng nhiều số điện thoại (trong đó có số 0919028528 và 0907161187) để đăng ký các tài khoản mạng xã hội Zalo với tên tài khoản là “Kho sỉ lẻ Trâm V2”, Facebook, S1, C2 tốt... để quảng cáo bán hàng sỉ và lẻ. Các khách hàng của T và T1 đều là các cá nhân trên mạng xã hội (không rõ thông tin) liên hệ mua hàng thông qua tin nhắn Zalo, trao đổi, thỏa thuận giá cả, số lượng và chủng loại nước hoa giả. Sau khi thống nhất, T chốt đơn và sử dụng phần mềm Sabo để lên đơn hàng, in bill, gửi bill cho khách để khách thanh toán tiền hàng vào tài khoản cá nhân của T hoặc T1. Sau khi khách thanh toán, T gửi B3 qua nhóm Z “đóng gói” bao gồm 03 thành viên là T, T1 và T6 để đóng gói, thực hiện việc soạn đơn hàng. Tiếp đến, T đặt dịch vụ giao hàng (G3, A) để đến nhận hàng giao cho khách. Thoại phân công Vũ Ngọc Phương T1 là người nhận thông tin khách hàng, trao đổi thông tin số lượng, giá cả với khách hàng, sau đó nhập dữ liệu điện tử, thông tin khách hàng, lên đơn hàng, tính tiền in ra Bill gửi cho khách. Xét vai trò của các bị cáo thì bị cáo T là tích cực và nguy hiểm

hơn nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn, bị cáo T1 tham gia giúp sức tích cực cho bị cáo T. Cụ thể: bị cáo Đặng Quang T trong năm 2023, đã có hành vi buôn bán nước hoa giả nhãn hiệu các loại (Gucci, C, V, B, B1 veneta, V1, C3, B2...) với số lượng tổng cộng là 24.442 chai nước hoa giá trị tương đương hàng thật là 46.321.476.000 đồng (trong đó có 4.512 chai nước hoa giả nhãn hiệu Chanel có kết luận định giá là 20.013.320.000 đồng); bị cáo Vũ Ngọc Phương T1 trong năm 2023, đã có hành vi giúp sức cho chồng là Đặng Quang T buôn bán nước hoa giả nhãn hiệu các loại với số lượng tổng cộng là 24.442 chai nước hoa giá trị tương đương hàng thật là 46.321.476.000 đồng (trong đó có 4.512 chai nước hoa giả nhãn hiệu Chanel có kết luận định giá là 20.013.320.000 đồng).

-Bị cáo Nguyễn Thị Minh N trong năm 2023 đã có hành vi buôn bán nước hoa giả nhãn hiệu các loại với số lượng tổng cộng là 418 chai nước hoa với giá trị tương đương hàng thật là 904.407.000 đồng (trong đó có 78 chai nước hoa giả nhãn hiệu Chanel có kết luận định giá là 383.640.000 đồng).

-Bị cáo Nguyễn Thị N trong năm 2023, đã có hành vi buôn bán nước hoa giả nhãn hiệu các loại với số lượng tổng cộng là 78 chai giá trị tương đương hàng thật là 357.500.000 đồng (trong đó có 24 chai nước hoa giả nhãn hiệu Chanel có kết luận định giá là 119.000.000 đồng).

-Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P trong năm 2023, đã có hành vi buôn bán nước hoa giả nhãn hiệu các loại với số lượng tổng cộng là 22 chai nước hoa với giá hàng giả tương đương hàng thật là 108.680.000 đồng. Ngoài ra, từ đầu năm 2023 đến thời điểm bị phát hiện, P đã chuyển khoản thanh toán tiền mua nước hoa giả cho T và T1 là 581.129.000 đồng (đã bao gồm tiền thanh toán cho 22 chai nước hoa giả đã định giá). Do đó, P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền mua bán nước hoa giả là 581.129.000 đồng.

Nên hành vi của các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N và Nguyễn Thị Mỹ P đã phạm vào tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); hành vi bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm vào tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị N đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải: gia đình các bị cáo Đặng Quang T tự nguyện nộp số tiền 70.000.000 đồng, Vũ Ngọc Phương T1 tự nguyện nộp số tiền 70.000.000 đồng, Nguyễn Thị N tự nguyện nộp số tiền 24.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ P tự nguyện nộp số tiền 50.000.000

đồng, Nguyễn Thị Minh N tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo T có cha ruột là Đặng Minh T2 từng tham gia Cách mạng; bị cáo Nguyễn Thị Minh N có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025). Riêng bị cáo Nguyễn Thị N hiện đang có thai nên thuộc trường hợp “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), cũng như đã xem xét cho bị cáo Nguyễn Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N đều phạm tội lần đầu, khi chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Minh N có trình bày thêm có bà nội được tặng Huân chương kháng chiến, nên đều được tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, ngoài ra các tình tiết giảm nhẹ khác các bị cáo trình bày đã được cấp sơ thẩm xem xét. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, kể cả các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N về phần hình phạt.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như cần nhắc đến nhân thân của bị cáo và quy định Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 (nay là Điều 2 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực từ ngày 10/7/2025), thì có cơ sở xem xét để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ, như: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo hiện đang mang thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo đã khắc phục hậu quả nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính, cũng như khoản tiền hình phạt bổ sung mà cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp để sung ngân sách nhà nước là 30.000.000 đồng, bị cáo phạm tội chưa có tiền án, tiền sự và có người thân là bà nội, cô ruột có công với cách mạng, được quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra tính đến thời điểm này thì bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có tình tiết giảm nhẹ mới. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Thị N được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách, là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N và y án sơ thẩm và không chấp nhận về việc y án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Đồng thời chấp nhận quan điểm của luật sư về các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, song không chấp nhận quan điểm của luật sư đã bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Minh N về việc xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 192 Bộ luật Hình sự với mức dưới mức thấp nhất của khung hình phạt này.

Lập luận trên cùng là quan điểm chấp nhận lời bào chữa của luật sư đã bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N về việc cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về án phí: Các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Mỹ P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357; Điều 342; Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần hình phạt của các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị N.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đặng Quang T** 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Vũ Ngọc Phương T1** 10 (Mười năm) tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Minh N** 08 (T7) năm tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2025.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.4. Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 192; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** 03 (Ba) năm tù, về tội “*Buôn bán hàng giả*”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 24/04/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân phường T (cũ là Phường I, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thị N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước (được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007333 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án hình sự phúc thẩm số 144/2026/TLPT-HS ngày 04/3/2026 đối với yêu cầu kháng cáo phúc thẩm của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ P kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 24/04/2026).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết đã quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án, của Ủy ban thường vụ Q,

Các bị cáo Đặng Quang T, Vũ Ngọc Phương T1, Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng; các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Mỹ P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 4; | (1) |
| - TAND Khu vực 4; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 4; | (1) |
| - Bị cáo; | (5) |
| - Trại tạm giam Chí Hòa; | (3) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (5) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (27) | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn

